



PHÒNG PHÁP CHẾ

Giới thiệu

LUẬT HỘ TỊCH

GIỚI THIỆU LUẬT HỘ TỊCH

Kết cấu của Luật gồm 7 Chương và 77 Điều

Chương I: Những quy định chung;

Chương II: Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

Chương III: Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Chương IV: Đăng ký hộ tịch tại cơ quan đại diện;

Chương V: Cơ sở dữ liệu hộ tịch, cấp trích lục hộ tịch;

Chương VI: Trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch;

Chương VII: Điều khoản thi hành.

.....

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016



I. QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

Luật Hộ tịch năm 2014, đã phân định rõ sự kiện nào là Xác nhận vào Sổ hộ tịch, sự kiện nào là Ghi vào Sổ hộ tịch. Theo đó:

1. Xác nhận vào Sổ hộ tịch là xác nhận các sự kiện hộ tịch sau: Khai sinh; Kết hôn; Giám hộ; Nhận cha, mẹ, con; Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch; Khai tử.

I. QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

Luật Hộ tịch năm 2014, đã phân định rõ sự kiện nào là Xác nhận vào Sổ hộ tịch, sự kiện nào là Ghi vào Sổ hộ tịch. Theo đó:

2. Ghi vào Sổ hộ tịch là việc ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Thay đổi quốc tịch; Xác định cha, mẹ, con; Xác định lại giới tính; Nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; Ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; Công nhận giám hộ; Tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

I. QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

Luật Hộ tịch năm 2014, đã phân định rõ sự kiện nào là Xác nhận vào Sổ hộ tịch, sự kiện nào là Ghi vào Sổ hộ tịch. Theo đó:

3. Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện khai sinh; kết hôn; ly hôn; hủy việc kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

II. QUY ĐỊNH QUYỀN, NGHĨA VỤ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH CÁ NHÂN

1. Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.

Quy định này cũng được áp dụng đối với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Trường hợp kết hôn, nhận cha, mẹ, con thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Đối với các việc đăng ký hộ tịch khác hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thì người có yêu cầu trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết việc ủy quyền.

3. Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thông qua người đại diện theo pháp luật.

III. QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

UBND cấp xã có thẩm quyền đăng ký các trường hợp hộ tịch

a) Đăng ký Khai sinh; Kết hôn; Giám hộ; Nhận cha, mẹ, con; Khai tử; Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; Bổ sung thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

III. QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

UBND cấp xã có thẩm quyền đăng ký các trường hợp hộ tịch

b) Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Thay đổi quốc tịch; Xác định cha, mẹ, con; Xác định lại giới tính; Nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; Ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; Công nhận giám hộ; Tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Ngoài ra theo NĐ 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ, thì UBND cấp xã còn có thẩm quyền đăng ký hộ tịch sau:

- * Đăng ký Khai sinh trong một số trường hợp đặc biệt: Đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi; Đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ; Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ.

- * Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại VN có cha hoặc mẹ là công dân VN thường trú tại khu vực biên giới, còn người kia là công dân của nước láng giềng thường trú tại khu vực biên giới với VN.

- * Kết hôn, nhận cha, mẹ, con của công dân VN thường trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với VN.

- * Khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định lâu dài tại khu vực biên giới của VN.

III. QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký các trường hợp hộ tịch

a) Đăng ký các sự kiện hộ tịch: khai sinh, kết hôn, giám hộ, nhận cha, mẹ, con, khai tử, bổ sung thông tin hộ tịch **có yếu tố nước ngoài.**

III. QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký các trường hợp hộ tịch

b) Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Thay đổi quốc tịch, xác định cha, mẹ, con, xác định lại giới tính, nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi, ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn, công nhận giám hộ; tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự **có yếu tố nước ngoài**.

III. QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký các trường hợp hộ tịch

c) Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc.

III. QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

UBND cấp huyện có thẩm quyền đăng ký các trường hợp hộ tịch

d) Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện khai sinh; kết hôn; ly hôn; hủy việc kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

IV. QUY ĐỊNH THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

1. Đăng ký khai sinh.
2. Đăng ký kết hôn.
3. Đăng ký giám hộ.
4. Đăng ký nhận cha, mẹ, con.
5. Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.
6. Đăng ký khai tử.

Các thủ tục đăng ký trên cá nhân có thể được đăng ký hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi đang sinh sống. Trường hợp cá nhân không đăng ký tại nơi thường trú thì UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Cơ quan đại diện nơi đã đăng ký hộ tịch cho cá nhân có trách nhiệm thông báo việc đăng ký hộ tịch đến UBND cấp xã nơi cá nhân đó thường trú.

V. QUY ĐỊNH VIỆC CẤP SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Số định danh cá nhân là số được cấp cho mỗi công dân Việt Nam khi đăng ký khai sinh không lặp lại ở người khác và đây cũng là một trong những nội dung cơ bản trong Giấy khai sinh, Sổ đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu về dân cư. Số này cũng chính là số thẻ căn cước công dân được cấp khi đủ 14 tuổi.



VI. QUY ĐỊNH LỆ PHÍ HỘ TỊCH

Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau:

- a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;
- b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.



VII. QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ

1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là tài sản quốc gia, lưu giữ toàn bộ thông tin hộ tịch của mọi cá nhân đã đăng ký, làm cơ sở để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, phục vụ yêu cầu tra cứu thông tin, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cơ sở dữ liệu hộ tịch bao gồm Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là căn cứ để cấp bản sao trích lục hộ tịch.



VII. QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ

2. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là cơ sở dữ liệu ngành, được lập trên cơ sở tin học hóa công tác đăng ký hộ tịch. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được lập để lưu giữ, cập nhật, quản lý, tra cứu thông tin hộ tịch, phục vụ yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến; được kết nối để cung cấp, trao đổi thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.



VIII. QUY ĐỊNH CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỘ TỊCH

Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã phải có trình độ từ trung cấp luật trở lên, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch và có trình độ tin học phù hợp theo yêu cầu công việc.

